TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-ST
Ngày: 27 - 11 - 2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Khởi;

Ông Nguyễn Văn Châu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị V; Cư trú: Số 14, ấp Bét T, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc T;

Địa chỉ: Số 2, đường Trần Khánh D, phường Xuân K, quận Ninh K, thành phố Cần T (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Hứa N (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị C (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Bét T, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Phan Văn P; Cư trú: Số 17, đường Lê Thánh T, ấp Nội , thị trấn Huỳnh Hữu N, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T – theo giấy ủy quyền ngày 26/8//2019 (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Thạch Thị Ngọc L (vắng mặt);

2. Bà Thạch Thị Si V (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Bét T, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

3. Bà Lý Thị D; Cư trú: Số 12, ấp Bét T, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày:

Bà V làm chủ hụi, còn ông Hứa N và bà Trần Thị C là hụi viên, ông N và bà C có tham gia chơi hụi của bà Vây, cụ thể như sau:

Dây hụi tuần, mở ngày 15/02/2016, hụi 100.000 đồng, thỏa thuận mỗi tuần khui 01 lần vào ngày thứ hai hàng tuần, dây hụi có 65 phần, 19 người tham gia, ông N và bà C tham gia 10 phần.

- Phần hụi thứ nhất: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 20 lần với số tiền 1.400.000 đồng, đến lần thứ 21 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.450.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.400.000 đồng. Bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.400.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 34 lần, với số tiền 3.400.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 3.400.000 đồng.

- Phần hụi thứ hai: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 21 lần với số tiền 1.500.000 đồng, đến lần thứ 22 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 1.550.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 1.500.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 1.500.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 33 lần, với số tiền 3.300.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 3.300.000 đồng.

- Phần hụi thứ ba: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 30 lần với số tiền 2.280.000 đồng, đến lần thứ 31 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.600.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.550.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.550.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 24 lần, với số tiền 2.400.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 2.400.000 đồng.

- Phần hụi thứ tư: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 31 lần với số tiền 2.380.000 đồng, đến lần thứ 32 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.820.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.770.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.770.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 23 lần, với số tiền 2.300.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 2.300.000 đồng.

- Phần hụi thứ năm: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 32 lần với số tiền 2.740.000 đồng, đến lần thứ 33 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.700.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.650.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.650.000 đồng, sau khi hốt hụi thì

ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 22 lần, với số tiền 2.200.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 2.200.000 đồng.

- Phần hụi thứ sáu: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 33 lần với số tiền 2.570.000 đồng, đến lần thứ 34 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.620.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.570.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.570.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 21 lần, với số tiền 2.100.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 2.100.000 đồng.

- Phần hụi thứ bảy: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 34 lần với số tiền 2.400.000 đồng, đến lần thứ 35 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.500.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.450.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.450.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 17 lần, với số tiền 1.700.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 1.700.000 đồng.

- Phần hụi thứ tám: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 35 lần với số tiền 2.420.000 đồng, đến lần thứ 36 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.700.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.650.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.650.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 16 lần, với số tiền 1.600.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 1.600.000 đồng.

- Phần hụi thứ chín: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà Vây được 36 lần với số tiền 2.520.000 đồng, đến lần thứ 37 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.800.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.750.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.750.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 15 lần, với số tiền 1.500.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 1.500.000 đồng.

- Phần hụi thứ mười: Ông N và bà C đã đóng hụi cho bà V được 37 lần với số tiền 2.600.000 đồng, đến lần thứ 38 thì ông N và bà C hốt hụi được số tiền 4.900.000 đồng, trừ công chủ hụi số tiền 50.000 đồng, còn lại số tiền 4.850.000 đồng, bà V đã giao cho ông N và bà C số tiền 4.850.000 đồng, sau khi hốt hụi thì ông N và bà C không đóng hụi chết cho bà V 15 lần, với số tiền 1.500.000 đồng, phần hụi này ông N và bà C còn thiếu bà Vây số tiền 1.500.000 đồng.

Dây hụi này ông N và bà C còn thiếu bà V số tiền 22.000.000 đồng.

Năm 2016 ông N và bà C có nhờ bà V đi vay tiền dùm cho ông N và bà C, bà V vay của bà Lý Thị D, địa chỉ: Ấp Bét T, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 08/3/2016 vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, không có làm giấy tờ, bà V đã đưa số tiền 10.000.000 đồng cho ông N và bà C, nhưng từ khi vay đến nay ông N và bà C không đưa tiền vốn và tiền lãi để bà V trả cho bà D. Ông N và bà C còn thiếu tiền vốn vay là 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/3/2016 đến ngày 03/7/2019, làm tròn là 39 tháng, với mức lãi suất 6%/tháng, thành tiền là 23.400.000 đồng, như vậy vốn và lãi là 33.400.000 đồng.

- Lần 2: Vào ngày 13/7/2016 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, không có làm giấy tờ, bà V đã đưa số tiền 30.000.000 đồng cho ông N và bà C, nhưng từ khi vay đến nay ông N và bà C không đưa tiền vốn và tiền lãi để bà V trả cho bà D. Ông N và bà C còn thiếu tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/7/2016 đến ngày 03/7/2019, làm tròn là 35 tháng, với mức lãi suất 6%/tháng, thành tiền là 63.000.000 đồng, vốn và lãi là 93.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay, tiền vốn và lãi là 126.400.000 đồng.

Bà Lâm Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hứa N và bà Trần Thị C phải trả cho bà V: Tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 22.000.000 đồng Tiền vay, tổng cộng vốn và lãi 126.400.000 đồng. Bà V yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với phần tiền vay với mức lãi suất 6%/tháng cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền vay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đông, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp theo đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 10 năm 2019 bà Trần Thị Chanh trình bày:

Bà V làm chủ hụi, bà Trần Thị C là hụi viên, ông N không có tham gia chơi hụi với bà V. Bà C tham gia chơi hụi với bà V đến khi bà C bể hụi thì ông N mới biết. Bà V và ông N có thỏa thuận đồng ý trả nhưng chưa trả thì bà Vây khởi kiện kiện tại Tòa án, vào ngày 03/5/2019 Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ông Nươl, bà C đồng ý trả cho bà V tổng cộng số tiền hụi và tiền vay là: 238.000.000 đồng, ngoài ra theo thông báo về việc thụ lý vụ án mà Tòa án gửi cho bà C, thì dây hụi tuần mở ngày 15/02/2016 còn nợ bà V số tiền 22.000.000 đồng là không có, không tham gia nên không nợ.

Bà C không có nhờ bà Vây vay số tiền 10.000.000 đồng ngày 08/3/2016 và số tiền 30.000.000 đồng ngày 13/7/2016, bà C không có nợ bà V số tiền vốn và lãi là 126.400.000 đồng.

Bà Lâm Thị V yêu cầu vợ chồng bà C trả số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) và tiền vay tổng cộng vốn và lãi 126.400.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng), bà C không đồng ý, lý do bà C không có nợ nên không đồng ý trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 10 năm 2019 ông Hứa N trình bày:

Bà V làm chủ hụi, bà Trần Thị C vợ ông N là hụi viên, ông N không có tham gia chơi hụi với bà V. Bà C tham gia chơi hụi với bà V đến khi bà C bể hụi thì ông N mới biết, bà V và ông N có thỏa thuận đồng ý trả nhưng chưa trả thì bà V khởi kiện kiện tại Tòa án, vào ngày 03/5/2019 Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ông N, bà C đồng ý trả cho bà V tổng cộng số tiền hụi và tiền vay là: 238.000.000 đồng, ngoài ra theo thông báo về việc thụ lý vụ án mà Tòa án gửi cho ông N, thì dây hụi tuần mở ngày 15/02/2016 còn nợ bà V số tiền 22.000.000 đồng là không có, không tham gia nên không nợ.

Ông N không có nhờ bà V vay số tiền 10.000.000 đồng ngày 08/3/2016 và số tiền 30.000.000 đồng ngày 13/7/2016, ông N không có nợ bà Vây số tiền vốn và lãi là 126.400.000 đồng.

Bà Lâm Thị V yêu cầu vợ chồng ông N trả số tiền hụi còn thiếu tổng cộng là 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) và tiền vay tổng cộng vốn và lãi 126.400.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng), ông N không đồng ý, lý do ông N không có nợ nên không đồng ý trả.

Tại biên bản hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, ông Phan Văn P trình bày:

Bà C có tham gia 03 dây hụi do bà V làm chủ hụi: Dây hụi thứ nhất, mở ngày 28/12/2014, hụi 5.000.000 đồng/phần; dây hụi thứ hai, mở ngày 20/01/2015, hụi 3.000.000 đồng/phần; dây hụi thứ ba, mở ngày 10/01/2013, hụi 2.000.000 đồng/phần. Sau khi hốt hụi bà C không đóng hụi cho bà V đầy đủ, đồng thời bà V đã đóng dùm cho bà C 03 dây hụi trên số tiền là 48.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà C nợ bà V đối với 03 dây hụi trên là 238.000.000 đồng, ông N và bà C đồng ý trả cho vay số tiền 238.000.000 đồng trên theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 05/2019/QĐST-DS ngày 03/5/2019.

Ông N và bà C không đồng ý với yêu cầu của bà V vì ngoài 03 dây hụi trên thì ông N và bà C không có tham gia dây hụi nào khác do bà V làm chủ hụi cũng không có nhờ bà V vay tiền dùm cho ông N và bà C.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 người làm chứng bà Thạch Thị Ngọc L trình bày:

Bà L không có bà con họ hàng với bà Lâm Thị V và ông Hứa N, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì với họ. Còn bà Trần Thị C thì bà L không biết.

Bà L là hụi viên có tham gia chơi hụi do bà Lâm Thị V làm chủ hụi, còn việc ông Hứa N và bà Trần Thị C tham gia chơi hụi như thế nào thì bà L không biết, bà L không đồng ý làm người làm chứng cho bà Lâm Thị V, bà L yêu cầu Tòa án không mời bà L nữa do bà L đã cung cấp lời khai cho Tòa án rồi, bà V yêu cầu bà L làm chứng nhưng sự thật bà L không biết gì về việc làm chứng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08 tháng 10 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng bà Lý Thị D trình bày:

Bà D không có bà con họ hàng với bà Lâm Thị V, ông Hứa N và bà Trần Thị C, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì với họ.

Bà D, ông N và bà C là hụi viên có tham gia chơi hụi do bà Lâm Thị V làm chủ hụi, nhưng bà D không biết ông N và bà C có thiếu tiền hụi và tiền vay bà V hay không, nhưng bà D chỉ nghe bà V kể lại là ông N và bà C còn thiếu tiền tổng cộng 370.000.000 đồng, đã trả 70.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng.

Vào ngày 08/03/2016 bà D cho bà V vay 10.000.000 đồng, ngày 13/7/2016 bà D cho bà V vay 30.000.000 đồng, tổng cộng 40.000.000 đồng, số tiền vay này bà V chưa trả vốn cho bà D nhưng có trả tiền lãi 15.000.000 đồng. Bà D trực tiếp cho bà V vay và giao tiền cho bà V chứ không cho ông N và bà C vay tiền, bà V có nói là vay tiền dùm cho ông N nhưng bà D không đồng ý, bà D nói bà V vay thì bà Vây

chịu trách nhiệm với bà D, không phải ông N và bà C chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Văn N trình bày:

Bà Lâm Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hứa N và bà Trần Thị C phải trả cho bà V tiền hụi còn thiếu là 22.000.000 đồng; Tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 55.000.000 đồng, bà Vây không yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với phần tiền vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn, lãi và tiền hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ những người làm chứng bà Thạch Thị Ngọc L; bà Thạch Thị Si V đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng những người làm chứng bà L và bà V vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt những người làm chứng không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn cư trú tại ấp Bét T, xã Phú M, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay và tiền hụi. Trong quá trình vay và tham gia chơi hụi các bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn trả số tiền vay và tiền hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) và nợ hụi.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả tiền vốn vay là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 15.000.000 đông, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi tiếp theo đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không

vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[5] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn trả tiền vay và tiền hụi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 10/9/2018 nguyên đơn làm đơn khởi kiện các bị đơn gồm 03 dây hụi: Dây hụi mùa ngày 10/01/2013; dây hụi ngày 28/12/2014 và dây hụi ngày 20/01/2015 tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2018 nguyên đơn không khởi kiện dây hụi ngày 15/2/2016 và 02 lần tiền vay ngày 08/3/2016 và ngày 13/7/2016, các bị đơn thừa nhận có tham gia 03 dây hụi mùa, nguyên đơn và các bị đơn đã thỏa thuận được tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, tại Quyết định số: 05/2019/QĐST-DS ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, đến ngày 03/7/2019 thì nguyên đơn mới khởi kiện dây hụi ngày 15/02/2016 và tiền vay 02 lần ngày 08/3/2016; ngày 13/7/2016, các bị đơn thừa nhận có tham gia chơi hụi của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện tổng cộng 300.000.000 đồng, nhưng đã thỏa thuận trả 238.000.000 đồng tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 05/2019/QĐST-DS ngày 03/5/2019, còn yêu cầu khởi kiện này các bị đơn không thừa nhận tham gia chơi hụi và không có vay tiền của nguyên đơn. Trong quá trình cho các bị đơn vay tiền và các bị đơn tham gia chơi hụi nguyên đơn không làm giấy tờ, cũng không ai trực tiếp chứng kiến, những người làm chứng mà phía nguyên đơn yêu cầu thì người làm chứng bà L có tham gia chơi hụi của nguyên đơn, nhưng không chứng kiến việc các bị đơn chơi hụi của nguyên đơn, còn người làm chứng bà D trực tiếp cho nguyên đơn vay tiền và giao tiền cho nguyên đơn chứ không có cho các bị đơn vay tiền, ngoài 02 lần vay này bà D cũng không có cho các bị đơn vay tiền. Bà D có tham gia chơi hụi của nguyên đơn nhưng bà D không biết ông N và bà C có thiếu tiền hụi bà V hay không. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án thông báo cho nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ, đã hết thời hạn cung cấp tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cũng không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Từ những chứng cứ trên chưa đủ căn cứ buộc các bị đơn trả số tiền vay và tiền hụi cho nguyên đơn, cho nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Các bị đơn có tham gia chơi hụi do nguyên đơn làm chủ hụi và nhờ nguyên đơn vay tiền dùm, còn nợ hụi chết và tiền vay. Việc tiền vay và nợ tiền hụi không có làm giấy, cũng không ai chứng kiến, nguyên đơn là cháu ruột của bị đơn Nươl. Tuy nguyên đơn không có giấy tờ chứng minh cho việc chơi hụi và vay tiền nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vay và tiền nợ hụi tổng cộng là 77.000.000 đồng. Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 244; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V, về việc yêu cầu các bị đơn ông Hứa N và bà Trần Thị C trả số tiền vốn vay và tiền lãi là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng); Tiền hụi 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triêu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lâm Thị V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.850.0000 đồng (Ba triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, các bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh